

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN TỊNH  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **135/2020/HNGĐ- ST**

Ngày: 30-9-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thượng Trọng Ký

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Bà Cao Thị Ngọc Đạo;

2- Bà Đào Thị Thu Đoàn ;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Kim Chi- là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Ch- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 93/2020/TLSTHNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

*1- Nguyên đơn:* Nguyễn Thị B, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Đội 6, thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

*2- Bị đơn:* Anh Đỗ Minh L, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Đội 6, thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị B có mặt, anh L vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 02- 6- 2020, trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Bé trình bày:*

Chị và anh Đỗ Minh L tự tìm hiểu rồi kết hôn và đăng kết hôn tại UBND xã Q, huyện QS, tỉnh Quảng Nam vào ngày 12/3/2007. Sau ngày kết hôn vợ

chồng chung sống đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, thường hay cãi vã, xô xát, anh L không chăm lo gì đến cuộc sống chung của vợ chồng và con cái. Vì những lý do đó nên hai vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay, Chị thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh Đỗ Minh L.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Đỗ Nguyễn Trúc L1, sinh ngày 01/11/2006 và Đỗ Nguyễn Nhã U, sinh ngày 10/11/2013. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Yêu cầu anh Đỗ Minh L cấp dưỡng nuôi con Đỗ Nguyễn Nhã U mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị B chỉ yêu cầu anh Đỗ Minh L cấp dưỡng nuôi con Đỗ Nguyễn Nhã U mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không có ai nợ vợ chồng.

*Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú (qua làm việc với Công an xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi ngày 26/8/2020 đã xác nhận anh Đỗ Minh L có hộ khẩu tại đội 6, thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi và thường xuyên đi về địa phương) nhưng anh Đỗ Minh L không trình bày ý kiến, không đến Tòa và tại phiên tòa hôm nay anh L cũng vắng mặt không có lý do.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS (Bộ luật Tố tụng dân sự) trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của BLTTDS. Riêng bị đơn vắng mặt không có lý do trong quá trình tham gia tố tụng là chưa thực hiện đầy đủ quy định với Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử:*

Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147 và 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14. Các Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị B đối với anh Đỗ Minh L. Giải quyết cho chị Nguyễn Thị B ly hôn với anh Đỗ Minh L.

+ Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao chị B được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Nguyễn Trúc L1, sinh ngày 01/11/2006 và Đỗ Nguyễn Nhã U, sinh ngày 10/11/2013. Anh Đỗ Minh L cấp dưỡng nuôi con Đỗ Nguyễn Nhã U mỗi tháng 1.500.000đ (*một triệu trăm nghìn đồng*) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

+ Về nợ chung: Chị B khai không có, nên không giải quyết.

Chị B, anh L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Đỗ Minh L tự tìm hiểu rồi kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện QS, tỉnh Quảng Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị B có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị B, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh chị sống không hợp nhau, có nhiều mâu thuẫn, không xây dựng hạnh phúc gia đình được và hiện nay chị B và anh L phần ai nấy sống đã hơn hai năm và không quan tâm lẫn nhau. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp hòa giải nhưng anh L không đến và cũng không có giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị B không còn tình cảm với anh L và cương quyết ly hôn không còn mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình với anh L. Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Xét thấy chị B đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Nguyễn Trúc L1, sinh ngày 01/11/2006 và Đỗ Nguyễn Nhã U, sinh ngày 10/11/2013. HĐXX xét thấy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt và theo nguyện vọng của các cháu, cần giao cho giao chị B được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Nguyễn Trúc L1 và Đỗ Nguyễn Nhã U. Anh Đỗ Minh L cấp dưỡng nuôi con Đỗ Nguyễn Nhã U mỗi tháng 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị B trình bày không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị B khai không có, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị B chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm phân ly hôn; anh Đỗ Minh L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm phân cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị B đối với anh Đỗ Minh L. Chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Đỗ Minh L.

**2.** Về con chung: Giao chị B được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Nguyễn Trúc L1 và Đỗ Nguyễn Nhã U. Anh Đỗ Minh L cấp dưỡng nuôi con Đỗ Nguyễn Nhã U mỗi tháng 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10 năm 2020.

Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng, chị B, anh L có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong. Lãi suất phát sinh chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**3.** Về tài sản chung: Chị B trình bày không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

**4.** Về nợ chung: Chị B khai không có nên không giải quyết.

**5.** Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị B chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0002077 ngày 16-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, chị B đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh Đỗ Minh L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm phần cấp dưỡng nuôi con;

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/9/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện S,  
tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Q, huyện QS,  
tỉnh Quảng Nam;
- Đường sự;
- Lưu: Án văn; hồ sơ vụ án.

*(Đã ký)*

**Thượng Trọng Ký**